TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 257/2019/HC-PT
Ngày 15-10-2019
V/v: Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông NTN;
Các Thẩm phán: Ông VMH;
Bà NTTX.

- Thư ký phiên tòa: Ông ĐNC - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông NThN - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 108/2019/TLPT-HC ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu hủy một phần quyết định giải quyết khiếu nại, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 70/2018/HC-ST ngày 20-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Q.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9438/2019/QĐ-PT ngày 30-9-2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Nc sinh năm 1965; trú tại tổ 7, khu Nam Trung, phường Nkh, thành phố U, tỉnh Q, có mặt.

2. Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q.

Người đại diện hợp pháp: Ông Cao Tường H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia tố tụng theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Cao Lng - Luật sư Công ty Luật TNHH Tân Lng, Đoàn Luật sư tỉnh Q, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Q.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đình Tng - Phó Chủ tịch Ủy ban

nhân dân thành phố tham gia tố tụng theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, có mặt.

- Ủy ban nhân dân phường Nkh, thành phố U, tỉnh Q.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Xuân Th - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, vắng mặt.

Bà Hoàng Thị Mn, vắng mặt. Bà Mn ủy quyền cho ông Nc tham gia tố tụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn Nc trình bày

Năm 1992, gia đình ông Nguyễn Văn Nc được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Nkh, thành phố U cấp cho 01 thửa đất có thu tiền sử dụng đất với diện tích là 180 m^2. Sau khi nộp tiền thuế sử dụng đất đầy đủ, ngày 05-12-1994, UBND thị xã U (nay là thành phố U) cấp cho gia đình ông Nc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A501594 với diện tích 180 m^2 thuộc thửa số 222, tờ bản đồ số 5.

Năm 2013 khi Nhà nước cải tạo và nâng cấp Quốc lộ 18 A có chiếm dụng vào 70,5 m^2 đất của gia đình nhưng Hội đồng xét duyệt nguồn gốc đất phường Nkh kết luận diện tích đất bị chiếm dụng nêu trên là đất hành lang an toàn giao thông do Nhà nước quản lý nên UBND thành phố U không bồi thường về đất cho gia đình ông là không đúng pháp luật. Không đồng ý với Quyết định của UBND thành phố U, ông Nc đã khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh Q, sau đó đã được giải quyết bằng Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1607/QĐ-UBND ngày 31-7-2014 với nội dung chấp nhận một phần khiếu nại của ông Nc, giao UBND thành phố U lập phương án bổ sung bồi thường phần diện tích 24,8 m^2 đất của hộ gia đình ông Nc là đất vườn liền kề đất ở theo đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, sau đó UBND thành phố U đã kiến nghị lên UBND tỉnh Q đề nghị không bồi thường diện tích đất mà dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 18A đã chiếm dụng vào gia đình ông Nc. Tiếp đó, ngày 30-12-2016, Chủ tịch UBND tỉnh Q đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 4521/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Nc và không bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích 70,5 m^2 đất của gia đình ông Nc. Quyết định này thay thế Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1607/QĐ-UBND ngày 31-7-2014.

Vì vậy, ông Nguyễn Văn Nc đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 4521/QĐ-UBND ngày 30-12-2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Q để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Người bị kiện và người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Nc, với lý do:

Ngày 06-7-2013, UBND thành phố U đã chỉ đạo Trung tâm phát triển quỹ đất và UBND phường Nkh tiến hành đo vẽ tại thực địa diện tích trước cửa nhà ông Nc mà dự án chiếm dụng. Tại biên bản xác định ranh giới giải phóng mặt

bằng do UBND thành phố U lập, diện tích 70,5 m^2 gia đình ông Nc đang sử dụng là phần diện tích đất nằm ở phía trước cửa nhà ông Nc bao gồm cả phần vỉa hè và rãnh nước dọc quốc lộ 18A được xác định là đất hành lang giao thông do Nhà nước quản lý. Theo các quy định của pháp luật về đất đai hiện hành thì diện tích này không đủ điều kiện được đền bù, hỗ trợ.

Năm 1993, hộ gia đình ông Nc được giao 180 m^2 đất có thu tiền sử dụng đất trên cơ sở hướng dẫn tại Quyết định số 201/QĐ-UB ngày 05-5-1990 của UBND tỉnh Q về quy định tạm thời về lệ phí hành chính và tiền sử dụng đất.

Năm 1994 gia đình ông Nc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 180 m^2 (đúng với diện tích, vị trí đất đã được bàn giao năm 1993) trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi rõ: Ranh giới phía Nam khu đất cách mép Quốc lộ 18A là 13 m.

Từ sau năm 1994 (thời điểm ông Nc đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), ông Nc không được Nhà nước giao thêm đất, không nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và không khai hoang thêm phần diện tích đất nào khác.

Ngày 23-4-2015, UBND thành phố U có văn bản số 774/UBND giải trình như sau: Trong quá trình thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 18A đoạn U - Hlg, có thu hồi một phần diện tích đất trước cửa nhà của một số hộ gia đình, đây là các hộ gia đình được Nhà nước cấp đất có thu tiền sử dụng đất và phần diện tích thu hồi được xác định là đất hành lang giao thông do Nhà nước quản lý, Nhà nước không thu tiền sử dụng đất đối với các phần diện tích này. Hiện trạng các hộ dân vẫn đang sử dụng, trong đó có hộ gia đình ông Nc. Khi đo vẽ thực hiện giải phóng mặt bằng tại hiện trường, các hộ dân đề nghị đơn vị tư vấn đo vẽ cả phần diện tích này và xác định vào diện tích dự án chiếm dụng.

Khi lồng ghép 03 loại bản đồ: Bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994, Bản đồ địa chính năm 2003, Bản đồ giải phóng mặt bằng Quốc lộ 18A năm 2012 (đối với thửa đất nhà ông Nc) cho thấy diện tích giải phóng mặt bằng Quốc lộ 18A năm 2012 chưa lấy vào phần diện tích đất 180 m^2 đất của gia đình ông Nc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND thành phố U có quan điểm

Ngày 05-12-1994, gia đình ông Nc được UBND thị xã U cấp giấy CNQSDĐ số A 501591 với diện tích 180 m^2, chiều dài 20 m, chiều rộng 9 m thuộc thửa đất số 222, tờ bản đồ số 05, phường Nkh, cách đường 18A là 13 m. Như vậy, thửa đất mà gia đình ông Nguyễn Văn Nc đang quản lý sử dụng đến thời điểm thu hồi đất là đất được cấp có thu tiền sử dụng đất, diện tích được cấp là 180 m^2. Sơ đồ thửa đất trong giấy chứng nhận QSDĐ thể hiện rõ ranh giới phía Nam thửa đất cách mép đường Quốc lộ 18A là 13 m.

Theo tờ bản đồ địa chính số 68 phường Nkh, đo vẽ tháng 9/2003 thì diện tích đất nhà ông Nguyễn Văn Nc là 305,3 m^2, gồm 02 thửa: Thửa số 39, diện

tích 192,8 m^2; thửa số 61 diện tích 112,5 m^2;

Khi đo vẽ bản đồ GPMB Dự án BOT cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18 A, diện tích đất gia đình ông Nc là 350,7 m^2, trong đó có một phần diện tích 70,5 m^2 bị dự án chiếm dụng vào.

Hội đồng xét duyệt nguồn gốc đất của phường Nkh đã họp, xét duyệt và kết luận: Diện tích 70,5 m^2 mà dự án BOT cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18A đoạn U - Hlg chiếm dụng của hộ gia đình ông Nc là đất hành lang giao thông do Nhà nước quản lý và nằm ở phía Nam của thửa đất ông Nc được cấp có thu tiền sử dụng đất. Diện tích phần đất này nằm hoàn toàn trong phần diện tích đất hành lang giao thông 13 m từ ranh giới thửa đất của ông Nc tới mép đường Quốc lộ 18 A. Căn cứ kết quả này, ngày 04-6-2013, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố U đã lập phương án bồi thường cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn Nc với nội dung: Đền bù nhà cửa, vật kiến trúc: 15.174.769 đồng. Không bồi thường, hỗ trợ về đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND phường Nkh có quan điểm

UBND phường Nkh nhất trí với quan điểm của UBND thành phố U. UBND phường xác định nguồn gốc đất là đúng theo quy định. Do vậy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Nc là không có căn cứ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Mn: Nhất trí với ý kiến của ông Nc, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án số 70/2018/HC-ST ngày 20-11-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Q căn cứ vào Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 22 Luật tổ chức chính quyền địa phương; Điều 21 Luật Khiếu nại; quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Nc về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 30-12-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03-12-2018, ông Nguyễn Văn Nc có đơn kháng cáo, đề nghị hủy một phần Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 30-12-2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Q, bồi thường phần diện tích 24,8 m^2 đất của hộ gia đình ông Nc là đất vườn liền kề đất ở.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy một phần quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2), giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại đã chấp nhận bồi thường phần diện tích 24,8 m^2 đất của hộ gia đình ông Nc theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện cho rằng kháng cáo của ông Nc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 30-12-2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Q là không có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND thành phố U vẫn giữ nguyên quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của hộ ông Nc là đúng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện

Ngày 30-12-2016, Chủ tịch UBND nhân dân tỉnh Q ban hành Quyết định số 4521/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Nc (lần 2). Ngày 28-10-2017, ông Nguyễn Văn Nc khởi kiện vụ án yêu cầu hủy một phần quyết định nêu trên là trong thời hiệu khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Q đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2]. Xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 30-12-2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Q

Quyết định nêu trên được ban hành để thay thế cho Quyết định số 1607/QĐ-UBND ngày 31-7-2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Nc. Quyết định giải quyết khiếu nại số 1607/QĐ-UBND ngày 31-7-2014 (lần hai) của Chủ tịch UBND tỉnh Q được ban hành sau khi ông Nc nhận được Quyết định số 499/QĐ-CTUBND ngày 25-01-2014 của Chủ tịch UBND thành phố U về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, không đồng ý với nội dung quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố U, ông Nc tiếp tục khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1607/QĐ-UBND ngày 31-7-2014 và Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 30-12-2016 để thay thế Quyết định số 1607/QĐ nêu trên liên quan đến việc giải quyết khiếu nại đối với ông Nc là đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Năm 1990, được sự đồng ý của UBND thị xã U (nay là thành phố U), UBND xã Nkh (nay là phường Nkh) tổ chức cấp đất có thu tiền sử dụng đất tại khu Nam Trung, xã Nkh trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Văn Nc được cấp một thửa đất với diện tích 180 m^2 (9 m x 20 m). Sau khi nộp tiền sử dụng đất, ngày 05-01-1993, UBND thị xã U và UBND xã Nkh tổ chức bàn giao đất xây dựng cho hộ gia đình ông Nc. Tại Biên bản bàn giao thể hiện thực trạng thửa đất như sau: Phía Đông giáp đất đường vào xóm; Phía Tây giáp đất nhà bà T1; Phía Nam cách đường 18A 13m và phía Bắc giáp đường đi.

Ngày 05-12-1994, gia đình ông Nguyễn Văn Nc được UBND thị xã U cấp Giấy CNQSDĐ số A 501591 với diện tích 180 m^2, chiều dài 20 m, chiều rộng 9

m thuộc thửa đất số 222, tờ bản đồ số 05, phường Nkh, cách đường 18A là 13 m. Như vậy, thửa đất mà gia đình ông Nguyễn Văn Nc đang quản lý sử dụng đến thời điểm thu hồi đất là đất được cấp có thu tiền sử dụng đất, diện tích được cấp là 180 m^2. Sơ đồ thửa đất trong giấy chứng nhận QSDĐ thể hiện rõ ranh giới phía Nam thửa đất cách mép đường Quốc lộ 18A là 13m. Diện tích đất nằm trong hành lang giao thông do Nhà nước quản lý và không thu tiền sử dụng đất. Ngoài ra, từ sau năm 1994 (thời điểm ông Nc đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ) ông Nc không được Nhà nước giao thêm đất, không nhận chuyển nhượng QSDĐ và không khai hoang thêm phần diện tích đất nào khác.

Trong quá trình thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 18A đoạn U - Hlg có thu hồi một phần diện tích đất phía trước cửa nhà của một số hộ gia đình, đây là các hộ gia đình được Nhà nước cấp đất có thu tiền sử dụng đất và phần diện tích đất bị thu hồi được xác định là đất hành lang giao thông do Nhà nước quản lý, Nhà nước không thu tiền sử dụng đất đối với các phần diện tích này. Hiện trạng, các hộ dân vẫn đang sử dụng, trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Văn Nc có một phần diện tích 70,5 m^2 bị dự án chiếm dụng vào. Khi lồng ghép 03 loại bản đồ: Bản đồ cấp giấy chứng nhận QSDĐ năm 1994, Bản đồ địa chính năm 2003, Bản đồ GPMB Quốc lộ 18A năm 2013 (đối với thửa đất ông Nguyễn Văn Nc) thì: Diện tích GPMB Quốc lộ 18A năm 2012 chưa lấy vào phần diện tích đất 180 m^2 đất của gia đình ông Nc.

Diện tích phần đất này nằm hoàn toàn trong phần diện tích đất hành lang giao thông 13 m từ ranh giới thửa đất của ông Nguyễn Văn Nc tới mép đường Quốc lộ 18A. Vì vậy, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố U đã lập phương án bồi thường cho hộ gia đình ông Nc đối với phần đền bù nhà cửa, vật kiến trúc, không bồi thường, hỗ trợ về đất.

Tại biên bản xác định ranh giới GPMB do UBND thành phố U lập, diện tích 70,5 m^2 gia đình ông Nc đang sử dụng là phần diện tích đất nằm ở phía trước cửa nhà ông Nc (phía Nam của thửa đất được cấp giấy chứng nhận QSDĐ năm 1994), bao gồm cả phần vỉa hè và rãnh thoát nước dọc Quốc lộ 18A, được xác định là đất hành lang giao thông do Nhà nước quản lý.Theo tờ bản đồ địa chính số 68 phường Nkh, đo vẽ tháng 9/2003 thì diện tích đất nhà ông Nguyễn Văn Nc là 305,3 m^2, gồm 02 thửa: Thửa số 39, diện tích 192,8 m^2; thửa số 61 diện tích 112,5 m^2; đối chiếu với các quy định của pháp luật về đất đai hiện hành thì phần diện tích này không đủ điều kiện được đền bù, hỗ trợ.

Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18A đoạn U - Hlg không chiếm dụng vào diện tích đất 180 m^2 mà gia đình ông Nguyễn Văn Nc được Nhà nước cấp đất có thu tiền sử dụng đất. Phần diện tích 70,5 m^2 đất này nằm hoàn toàn trong 13 m hành lang giao thông do Nhà nước quản lý, đã được xác định rõ từ năm 1994, phần diện tích đất này không nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ mà UBND thị xã U (nay là thành phố U) đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho gia đình ông Nc năm 1994, vì vậy không thuộc đối tượng điều chỉnh của văn bản số 3899/UBND-QLDĐ1 ngày 13-8-2012 của UBND tỉnh Q. Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết đinh số 4521/QĐ-UBND ngày 30-12-2016 về việc giải quyết

khiếu nại của ông Nguyễn Văn Nc (lần 2) là có căn cứ.

Với các lý do trên, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Nc là đúng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Nc.

[3]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nc phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn Nc và giữ nguyên quyết định của Bản án số 70/2018/HC-ST ngày 20-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Q.

2. Ông Nguyễn Văn Nc phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Xác nhận ông Nc đã nộp số tiền này (do bà Hoàng Thị Mn nộp thay) vào ngày 13-12-2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Q.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- Cục THA dân sự tỉnh Q;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NTN